

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Trụ sở: Trưng Trắc và Trưng Nhị

BẢNG LƯƠNG THÁNG 02/2022 BAO GỒM PC TNG (MỨC LƯƠNG 1.490.000Đ)

STT	MNV	HỌ VÀ TÊN	LOẠI NGÀNH	BÁC	HỆ SỐ		THU NHẬP		TỔNG		BCHT (8% TQL)	BHVT (15% TQL)	BHVN (1% TQL)	PCUD (8%)	TRUY LÃNH PCUD	TIỀN LÃNH	GHI CHÚ
					Lương	PC TNG	Lương	PC TNG	Lương	PC TNG	PC TNG	PC TNG	PC TNG	PC TNG	PC TNG	PC TNG	
1	BCT	HT	LƯU THỊ KIM THUY	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	322.736.331	IT
2	BCT	GV	NGUYỄN XUÂN HÒA	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	11.395.095	IT
3	BCT	GV	TRẦN THỊ THƯƠNG	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	12.571.370	IT
4	BCT	GV	TRẦN THỊ THƯƠNG	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	12.091.513	IT
5	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	11.404.168	IT
6	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	11.019.274	IT
7	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	10.593.819	IT
8	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	11.019.274	IT
9	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	9.641.778	IT
10	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	8.844.163	IT
11	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	8.844.163	IT
12	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	7.200.124	IT
13	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	8.166.889	IT
14	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	6.502.233	IT
15	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	7.102.208	IT
16	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	6.402.118	IT
17	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	7.233.051	IT
18	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	6.613.982	IT
19	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	5.581.089	IT
20	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	5.021.151	IT
21	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	7.229.126	IT
22	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	6.526.064	IT
23	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	6.128.625	IT
24	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	4.558.208	IT
25	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	4.186.266	IT
26	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	4.291.125	IT
27	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	4.291.125	IT
28	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	4.291.125	IT
29	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	3.739.155	IT
30	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	3.739.155	IT
31	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	3.739.155	IT
32	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	3.739.155	IT
33	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	3.739.155	IT
34	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	3.739.155	IT
35	BCT	GV	NGUYỄN NGUYỄN	9	4.980	0,15	7.420.200	4.980	2.814.100	2.814.100	-	-	-	-	-	4.006.237	IT

